

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC GIÁ RAI
TỔ THÔNG TIN THUỐC-DLS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Giá Rai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

THÔNG TIN THUỐC THÁNG 11/2025

(Các thuốc có chứa hoạt chất Sắt)

Kinh gửi: Các khoa, phòng, trạm y tế thuốc Trung tâm Y tế khu vực Giá Rai.

Nhằm mục đích sử dụng thuốc an toàn - hợp lý và kịp thời cho điều trị, đơn vị Thông tin thuốc xin tóm tắt thông tin về các thuốc chứa hoạt chất Sắt có trong danh mục tại Trung tâm Y tế khu vực Giá Rai như sau:

Bảng các thuốc có chứa hoạt chất Sắt:

STT	Biệt dược	Dạng BC	Thành phần HC ND-HL	Chỉ định (ICD 10)	Liều dùng	Chống chỉ định
1	FEFOLIC CAP DWP 152,1mg /0,5mg <i>Không dùng cho trẻ dưới 12 tuổi.</i>	Viên nang cứng	-Hoạt chất: Sắt fumarat: 152,1mg Acid folic: 0,5mg -Tá dược: Lactose monohydrat, cellulose vi thể 101, povidon k30, silicon dioxid keo, magnesi stearat, nang gelatin rỗng số 1.	Phòng và điều trị: -Thiếu sắt tiềm ẩn và thiếu máu do thiếu sắt kèm thiếu acid folic (D50) - Thiếu sắt và thiếu máu do thiếu sắt ở phụ nữ mang thai và cho con bú.	Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên: -Thiếu máu thiếu sắt nhẹ: 1 viên/ ngày -Thiếu sắt và thiếu folic nặng: 1V x 2-3 lần/ ngày. - <i>Liều tối đa phụ nữ mang thai:</i> 2 viên/ ngày.	-Thừa sắt -Rối loạn sử dụng sắt (Thiếu máu nguyên HC, thalassemia,..) -Bệnh huyết sắc tố, thiếu máu tan máu, thiếu máu bất sản, thiếu máu ác tính. -Thiếu máu không do thiếu sắt và acifolic.

2	<p>Empovid <i>Không dùng :</i> <i>-Trẻ < 12 tuổi</i> <i>-Người cao tuổi: >=60 tuổi</i></p>	Viên nang cứng	<p>- Hoạt chất: Sắt sulfat : 60 mg Acid Folic: 0,25 mg</p> <p>- Tá dược: Kollidon 30, Kollidon CL, avicel M102, calci dibasic phosphate 2.H₂O, magnesi stearat, ethanol 96%.</p>	Phòng và điều trị các chứng thiếu máu do thiếu sắt và acid folic, đặc biệt ở phụ nữ mang thai, suy dinh dưỡng, sau phẫu thuật, sau cắt dạ dày. (D50)	<p>Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: <i>-Liều dự phòng:</i> 1-2 viên/ ngày <i>-Liều điều trị:</i> 2-3 viên/ ngày.</p>	<p>-Hẹp thực quản, túi cùng đường tiêu hóa. -Cơ thể thừa sắt: bệnh mô nhiễm sắt, nhiễm hemosid-erin và chứng thiếu máu tan huyết. Trẻ em dưới 12 tuổi và người cao tuổi. (>= 60 tuổi)</p>
3	<p>Atiferole</p>	Dung dịch uống Chai 15ml	<p>- Hoạt chất: Sắt protein succinylate: 800mg (40mg Fe³⁺) - Tá dược: Propylene glycol, Sorbitol 70%, Sucralose, Đường trắng, Sodium benzoate, Hương dầu, nước tinh khiết).</p>	-Thiếu sắt và thiếu máu do thiếu sắt (D50) -Thiếu máu thứ phát do mất máu mạn tính (D50.0)	<p>-Người lớn: 15-30ml/ ngày -Trẻ em: 1,5ml/kg/ngày (tương đương 4mg sắt/ kg/ ngày)</p>	<p>- Viêm tụy và xơ gan thứ phát do nhiễm sắc tố sắc. -Hội chứng tế bào nhiễm sắc -Thiếu máu tán huyết hay thiếu máu bất sản, thiếu máu do rối loạn hấp thu sắt.</p>

4	Atitrim	Dung dịch ống Ổng 10ml	-Hoạt chất: Sắt gluconat: 399,73 mg Mangan gluconat: 10,78 mg Đồng gluconat: 0,70 mg -Tá dược: Sucralose, glycerin, acid citric monohydrat, natri citrat dihydrat, natrisaccharin, kalisorbat, caramen, hương vani bột.	Điều trị và dự phòng thiếu máu do thiếu sắt (D50)	Người lớn: 100–200 mg sắt/ngày (2-4 ống/ ngày)	-Quá tải sắt. -Bệnh Thalassemia. -Thiếu máu do suy tủy. -Loét dạ dày tá tràng cấp tính. -Bệnh Wilson.
---	---------	------------------------------	---	--	---	--

Giá Rai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT & ĐT



BS. CKII. Trần Hồng Dũng

KHOA DƯỢC -TTB-VTVT



DS. CKII. Lương Chất Lương

DV THÔNG TIN THUỐC



DS. CKI. Trần Chúc Ly